

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ C**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 94/2021/DSST

Ngày: 17/6/2021

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mỹ Trinh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Thị Dung**

2. Bà **Đỗ Thị Lệ Hằng**

Thư ký phiên tòa: Bà **Võ An Trinh** – Thư ký Tòa án nhân dân quận N.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 73/2021/TLST-DS ngày 19/02/2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 396/2021/QĐST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S**

Địa chỉ: 266-268, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 1, thành phố H.

Địa chỉ liên hệ: 95-97-99, Võ Văn Tần, phường Tân A, quận N, thành phố C.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Nguyễn Trường S** – Có mặt

(Văn bản ủy quyền ngày 20/7/2020)

Bị đơn: Ông **Tô Vĩnh P** sinh năm 1996 – Vắng mặt

Địa chỉ: 139/157, đường 30/4, phường Xuân K, quận N, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) và ông Tô Vĩnh P ký hợp đồng tín dụng số LD1826300676 ngày 20/9/2018. Số tiền vay là 50.000.000 đồng; thời hạn vay là 36 tháng; mục đích tiêu dùng cá nhân; lãi suất vay cố định là 1,7%/tháng.

Ngày 20/9/2018 Ngân hàng và ông Tô Vĩnh P ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 472074-1037 (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng với

hạn mức 15.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân cho ông P. Sau khi cấp thẻ tín dụng ông P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 15.888.176 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông P đã thanh toán cho ngân hàng số tiền gốc và lãi đến ngày 28/02/2019. Sau đó đến nay ông P không thanh toán. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông P vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông P vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 20/3/2019 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Ngân hàng yêu cầu ông P trả số tiền theo hợp đồng tín dụng số LD1826300676 ngày 20/9/2018: Số tiền gốc là 41.672.000 đồng; nợ lãi trong hạn 23.233.333 đồng; nợ lãi quá hạn là 11.616.667 đồng tính đến ngày 17/6/2021, tổng cộng gốc và lãi là 76.522.000 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng cho vay đến khi tất nợ.

Ngân hàng yêu cầu ông P trả số tiền theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 472074-1037 ngày 20/9/2018: Số tiền gốc là 17.195.902 đồng; nợ lãi quá hạn là 14.960.520 đồng tính đến ngày 17/6/2021, tổng cộng gốc và lãi là 32.156.422 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đến khi trả tất nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Tô Vĩnh P đã được cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện ủy quyền của ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Xét về thủ tục tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật:* Giữa Ngân hàng và bị đơn ông Tô Vĩnh P ký kết ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán nợ vay theo hợp đồng đã ký kết, mục đích vay tiêu dùng. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận N nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về vắng mặt các đương sự:* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Tô Vĩnh P có hộ khẩu thường trú tại 139/157, đường 30/4, phường Xuân K, quận N, thành phố C. Tòa án không tổng đạt được cho bị đơn và đã tiến hành niêm yết thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét về nội dung:

- *Về nợ:* Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Tô Vĩnh P trả nợ theo hợp đồng tín dụng số LD1826300676 ngày 20/9/2018, số tiền vay là 50.000.000 đồng với mục đích vay tiêu dùng, lãi suất 20,4%/năm (tương đương 1,7%/tháng), lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Tô Vĩnh P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi đến ngày 20/02/2019. Do ông Tô Vĩnh P vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng được quy định tại Điều 1 các điều khoản chung về cấp tín dụng đính kèm hợp đồng tín dụng. Ngày 20/3/2019, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn đối với khoản nợ vay đúng theo quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Tính đến ngày 17/6/2021, ông Tô Vĩnh P còn nợ ngân hàng tổng số tiền 76.522.000 đồng. Trong đó nợ gốc 43.060.000 đồng; nợ lãi trong hạn 23.233.333 đồng; nợ lãi quá hạn là 11.616.667 đồng. Yêu cầu của Ngân hàng buộc ông Tô Vĩnh P trả tổng số tiền 76.522.000 đồng tính đến ngày 17/6/2021 và trả lãi theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi tất nợ là có cơ sở đúng quy định khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 472074-1037 ngày 20/9/2018 giữa ông Tô Vĩnh P và Ngân hàng. Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng với hạn mức 15.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân cho ông P. Sau khi cấp thẻ tín dụng ông P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 15.888.176 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông P đã thanh toán cho ngân hàng số tiền gốc và lãi đến ngày 28/02/2019. Sau đó đến nay ông P không thanh toán. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông P vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông P

vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 20/3/2019 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 17/6/2021, ông P còn nợ ngân hàng tổng số tiền 32.156.422 đồng. Trong đó nợ gốc 17.195.902 đồng; nợ lãi quá hạn là 14.960.520 đồng. Yêu cầu của Ngân hàng buộc ông Tô Vĩnh P trả tổng số tiền 32.156.422 đồng tính đến ngày 17/6/2021 và trả lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết cho đến khi tất nợ là có cơ sở đúng quy định khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Về án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu 5.433.921 đồng. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

- Buộc bị đơn ông Tô Vĩnh P có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP S theo hợp đồng tín dụng số LD1826300676 ngày 20/9/2018: Số tiền gốc 41.672.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 17/6/2021 là 34.850.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi 76.522.000 đồng (*Bảy mươi sáu triệu năm trăm hai mươi hai nghìn đồng*) và phải chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết tính từ ngày 18/6/2021 cho đến khi tất nợ.

- Buộc bị đơn ông Tô Vĩnh P có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP S theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 472074-1037 ngày 20/9/2018: Số tiền gốc 17.195.902 đồng, nợ lãi tính đến ngày 17/6/2021 là 14.960.520 đồng. Tổng cộng gốc và lãi 32.156.422 đồng (*Ba mươi hai triệu một trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm hai mươi hai đồng*) và phải chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết tính từ ngày 18/6/2021 cho đến khi tất nợ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Tô Vĩnh P phải chịu 5.433.921

đồng (*Năm triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn chín trăm hai mươi một đồng*).

Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 2.098.000 đồng (*Hai triệu không trăm chín mươi tám nghìn đồng*) theo biên lai thu số 003532 ngày 05/01/2021 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Đương sự;
- TAND thành phố C;
- VKSND quận N;
- Chi cục THADS quận N;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Trinh